

Bản án số: 425/2019/DS-ST.
Ngày: 26-9-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.
2. Ông Lê Bá Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS, ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 19 đường số 58, tổ 2, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện C, Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trình Ngọc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 527/12/12, tổ 20, đường Phan Văn Trị, Phường 5, quận G, Thành phố H (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số 19 đường số 58, tổ 2, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện C, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Trình Ngọc M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 19 đường số 58, tổ 2, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện C, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 9/2A đường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/1/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị V trình bày:

Bà Trình Ngọc T là con gái của bà. Vào ngày 17/12/2015 bà T có mượn bà số tiền là 500.000.000 đồng để mua đất ở xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, việc vay mượn có viết giấy tay, bà T thế chấp cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất bà T đã mua. Bà T hẹn đến ngày 17/12/2018 sẽ hoàn trả đủ số tiền vay, nhưng đến hạn phải trả bà T nói ngược là không mượn tiền của bà và còn đòi bà phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà T phải trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng mà bà T đã vay của bà.

Bị đơn bà Trình Ngọc T trình bày:

Bà là con của bà V. Theo đơn khởi kiện của bà V kiện bà đòi số tiền 500.000.000 đồng là hoàn toàn sai sự thật vì trên thực tế bà không có mượn hay cầm đồng tiền nào của bà V. Mảnh đất ở xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn là do gia đình nhà chồng mua cho bà với số tiền là 950.000.000 đồng. Vì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà nên bà V bàn bạc với bà, nói bà viết giấy nợ, giả việc bà có vay của bà V số tiền 500.000.000 đồng hùn mua đất. Để phòng tình huống nếu vợ chồng bà ly hôn thì bà vẫn còn quyền lợi một nửa số tiền bỏ ra mua mảnh đất. Vì là mẹ con nên bà đã nghe và ghi giấy mượn tiền, thực sự bà không có mượn tiền của bà V. Nên bà không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà V. Vào ngày 17/12/2015 ông có chứng kiến việc bà T (con riêng của bà V) mượn của bà V số tiền 500.000.000 đồng để mua đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, có hứa sẽ trả lại cho bà V trong thời gian 3 năm cụ thể là ngày 17/12/2018. Ông mong Tòa án xem xét buộc bà T trả nợ cho bà V số tiền trên để dưỡng già.

Người làm chứng bà Trình Ngọc M trình bày:

Bà là em ruột của bà T. Vào ngày 17/12/2015 bà có chứng kiến việc bà T mượn của mẹ bà là bà V số tiền 500.000.000 đồng để mua đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, có hứa sẽ trả lại cho bà V trong thời gian 3 năm nhưng đến nay đã quá thời hạn mà bà T vẫn không thực hiện lời hứa. Bà mong Tòa án xem xét buộc bà T trả nợ cho bà V số tiền trên để dưỡng già vì hoàn cảnh bà V hiện nay rất khó khăn.

Người làm chứng ông Nguyễn Duy P trình bày:

Ông không có quen biết bà Trình Ngọc T và bà Huỳnh Thị V. Ông không chứng kiến việc bà T trả tiền cho bà V. Tờ giấy trả tiền lập ngày 15/8/2016 do bà T xuất trình không phải chữ ký của ông ở mục người làm chứng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà V, bà T cho rằng không có vay tiền của bà V, tờ “Giấy mượn tiền” không phải do bà viết ra.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Huỳnh Thị V đối với bà Trình Ngọc T là quan hệ tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà V khởi kiện bà T, yêu cầu bà T phải trả số tiền 500.000.000 đồng mà bà T đã vay của bà V. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà V xuất trình “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/12/2015 đứng tên bà T.

Bà T không thừa nhận vay tiền của bà V, cho rằng vì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà nên bà V bàn bạc với bà, nói bà viết giấy nợ, giả việc bà có vay của bà V số tiền 500.000.000 đồng hùn mua đất. Để phòng tình huống nếu vợ chồng bà ly hôn thì bà vẫn còn quyền lợi một nửa số tiền đã bỏ ra mua mảnh đất. Vì là mẹ con nên bà đã nghe và ghi giấy mượn tiền, thực sự bà không có mượn tiền của bà V. Đồng thời bà cũng không thừa nhận chữ viết trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/12/2015 do bà V xuất trình là chữ viết của bà.

Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp có Quyết định trưng cầu giám định số 11/2019/QĐ-TCGD đối với chữ viết trên “Giấy mượn tiền mang tên Trình Ngọc Thanh” lập ngày 17/12/2015.

Ngày 28/5/2019 Viện khoa học hình sự - phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 2341/C09B với nội dung: Chữ viết có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...500.000.000^d...Người mượn tiền ký tên Trình Ngọc Thanh” trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 17/12/2015 (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Trình Ngọc Thanh trên 08 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người viết ra.

Ngày 27/6/2019 bà T có đơn yêu cầu giám định chữ ký bà Huỳnh Thị V trên tờ “giấy trả tiền” lập ngày 15/8/2016. Cùng ngày tòa án lập biên bản giải thích cho bà T phải cung cấp mẫu chữ ký của bà V trong giai đoạn từ năm 2015 cho đến nay để làm mẫu so sánh khi giám định. Tại biên bản lập ngày 04/7/2019 bà T trả lời không cung cấp được mẫu chữ ký của bà V vì bà V không có giao dịch mua bán nên không có ký văn bản chứng từ, và bà T đề nghị Tòa án trưng cầu giám định dựa trên các tài liệu trong hồ sơ có chữ ký, chữ viết của bà V. Tại biên bản lập ngày 24/7/2019 bà T cho rằng chữ ký trên giấy trả tiền lập ngày 15/8/2016 là của bà V, nếu bà V phủ nhận thì trách nhiệm đi giám định là của bà V, bà T không đồng ý giám định.

Xét thấy bà T xuất trình chứng cứ là tờ “giấy trả tiền” lập ngày 15/8/2016 cho rằng chữ ký trên “giấy trả tiền” là của bà V, bà V phủ nhận chữ ký trên “giấy trả tiền” là của bà V. Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà T có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh cho việc bà trả tiền cho bà V, bà V không có nghĩa vụ phải chứng minh việc bà V không nhận tiền từ bà T. Bà T không cung cấp mẫu chữ ký so sánh cũng như không đồng ý giám định chữ ký “Vân” trên “giấy trả tiền”, do đó tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Theo nội dung trên “giấy trả tiền” có chữ ký người làm chứng mang tên “Nguyễn Duy Phúc”, bà T trình bày ông P là nhân viên văn phòng thừa phát lại huyện Hóc Môn. Ngày 28/8/2019 ông P có bản tự khai với nội dung: Ông không quen biết bà Trình Ngọc T, và bà Huỳnh Thị V. Ông không chứng kiến việc bà T trả tiền cho bà V. Tờ giấy trả tiền lập ngày 15/8/2016 do bà T xuất trình không phải chữ ký của ông ở mục người làm chứng.

Bà T trình bày bà không mượn tiền của bà V, vì nghe lời bà V nên viết giấy nợ nhưng lại phủ nhận “Giấy mượn tiền mang tên Trình Ngọc Thanh” lập ngày 17/12/2015 do bản thân viết ra. Sau đó lại xuất trình “Giấy trả tiền” thể hiện đã trả hết nợ cho bà V. Lời trình bày của bà T trước sau bất nhất, bà T không trung thực trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày liên quan đến sự thật khách quan của vụ án.

Dựa trên kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Trình Ngọc T có vay của bà Huỳnh Thị V số tiền 500.000.000 đồng, và không có sự việc bà T trả tiền cho bà V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V.

Buộc bà Trình Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu không trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà V có nghĩa vụ trả lại bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00451 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 08/5/2015 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) bà T phải chịu.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến